

Bản án số: 48/2022/DS-ST

Ngày: 02-8-2022

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hiền.

2. Bà Trần Thị Sầm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 47/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2022/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2022/QĐST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1978. Địa chỉ: Ấp HP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm: 1978 và bà Diệp Thị Kim L, sinh năm: 1978. Cùng địa chỉ: Ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Ngày 01/02/2021, bà cho ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L vay số tiền 780.000.000 đồng, mục đích vay nhằm P vụ kinh tế gia đình, thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 01/02/2021, lãi suất thỏa thuận 1.5%/tháng, ông P và bà L có nghĩa vụ trả lãi vào ngày 01 hàng tháng. Các bên ký kết hợp đồng vay tiền và được Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc Thắm chứng thực ngày 01/02/2021. Ngay sau khi ký kết hợp đồng, bà đã giao đủ số tiền vay là 780.000.000 đồng cho ông P.

Để bảo đảm cho khoản vay thì ông P và bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 20/02/2019. Hiện tại, bà đang giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Từ khi ký hợp đồng vay cho đến nay, ông P và bà L không thực hiện nghĩa vụ trả tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận. Bà nhiều lần yêu cầu ông P và bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng ông bà cứ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay bà yêu cầu ông P và bà L có nghĩa vụ liên đới trả tiền nợ vay gốc là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1.5%/tháng.

Bà đồng ý trả lại cho ông P và bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 20/02/2019 sau khi ông P và bà L trả tất nợ.

Bị đơn là ông Nguyễn Văn P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến về những nội dung có liên quan đến yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại biên bản lấy lời khai, bà Diệp Thị Kim L trình bày:

Đối với hợp đồng vay tiền do ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị Thùy L tự thỏa thuận, bà không trực tiếp thỏa thuận vay tiền với bà L. Tuy nhiên, bà có đến Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc Thắm để ký kết hợp đồng vay tiền theo yêu cầu của ông P, số tiền vay là 780.000.000 đồng. Khi vay tiền, ông P có thể chấp cho bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 20/02/2019.

Bà không rõ ông P vay tiền của bà L để sử dụng vào mục đích gì. Bà không nhận tiền vay từ bà L cũng như không sử dụng số tiền đó. Hiện tại, bà không biết ông P đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thế nào và số tiền còn nợ lại là bao nhiêu.

Mặc dù, bà không sử dụng số tiền ông P đã vay của bà L nhưng do bà và ông P là vợ chồng hợp pháp và hiện tại vẫn còn tồn tại quan hệ hôn nhân nên bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà L, bà đồng ý cùng ông P có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền vay gốc 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1.5%/tháng. Hiện tại, bà chưa có khả năng trả nợ ngay nhưng bà sẽ trả tất nợ cho bà L sau khi bà chuyển nhượng được quyền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:
 - + Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.
 - + Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
- Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu về nội dung và đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền vay gốc 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 01/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1.5%/tháng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/02/2019.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quyền khởi kiện: Bà Nguyễn Thị Thùy L cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm bởi hợp đồng vay tài sản giữa bà với ông Nguyễn Văn P, bà Diệp Thị Kim L nên khởi kiện. Căn cứ khoản 2 Điều 68, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì bà L có quyền khởi kiện.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu bà ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L có nghĩa vụ trả tiền vay theo thỏa thuận vay tài sản giữa các bên. Căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

[1.3] Về thẩm quyền của Tòa án giải quyết vụ án: Bị đơn ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L có địa chỉ nơi cư trú tại ấp TP, xã PH, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

[1.4] Về việc vắng mặt của bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, bà Diệp Thị Kim L đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng vẫn vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P, bà Diệp Thị Kim L theo quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Bà L yêu cầu ông P và bà L trả số tiền nợ vay là 780.000.000 đồng và tiền lãi. Chứng cứ bà L cung cấp là “Hợp đồng vay tiền (có bảo đảm bằng thế chấp tài sản)” được Văn phòng Công chứng Nguyễn Ngọc Thắm chứng thực ngày 01/02/2021. Hợp đồng vay tiền được chứng thực theo quy định. Đồng thời, bà L cũng thừa nhận bà và ông P có đến Văn phòng công chứng Nguyễn Ngọc Thắm để ký kết hợp đồng vay tiền với bà L, số tiền vay là 780.000.000 đồng. Do đó, việc bà L cho ông P và bà L vay số tiền 780.000.000 đồng là có thật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các tài liệu, thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông P nhưng ông P không gửi cho Tòa án văn bản nào trình bày ý kiến cũng như không tham gia các lần hòa giải. Bà L cho rằng từ khi ký hợp đồng vay cho đến nay bà không trả tiền vay cho bà L, bà cũng không biết ông P có trả tiền vay cho bà L hay chưa, nay bà L đồng ý trả cho bà L số tiền đã vay là 780.000.000 đồng nhưng xin được trả nợ sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Việc bà L xin được trả dần nhưng không được bà L chấp nhận. Do đó, buộc ông P và bà L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 780.000.000 đồng.

[2.2] Đối với yêu cầu tính tiền lãi: Bà L yêu cầu tính lãi đối với số tiền nợ gốc từ ngày 01/02/2021 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1.5%/tháng. Ông P vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, cũng như không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà L. Bà L đồng ý đối với yêu cầu tính lãi của bà L và mức lãi suất mà bà L yêu cầu phù hợp theo quy định pháp luật nên được chấp nhận. Cụ thể, chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi như sau: $780.000.000 \text{ đồng} \times 1.5\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} 01 \text{ ngày} = 210.990.000 \text{ đồng}$.

[2.3] Việc ông P và bà L thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/02/2019 nhằm bảo đảm cho khoản vay. Xét thấy, việc bà L là cá nhân nhận thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và không thực hiện các thủ tục đăng ký thế chấp theo quy định nên buộc bà L trả lại cho ông P và bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 20/02/2019.

[3] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông P và bà L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 41.730.000 đồng.

Trả lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.887.900 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 235; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 357, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy L, cụ thể:

Buộc ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền vay là 990.990.000 đồng (Chín trăm chín mươi triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc là 780.000.000 đồng (Bảy trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi là 210.990.000 đồng (Hai trăm mười triệu chín trăm chín mươi nghìn đồng).

Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 332, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại ấp TP, xã PH, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp cho ông Nguyễn Văn P ngày 20/02/2019.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn P và bà Diệp Thị Kim L phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 41.730.000 đồng (Bốn mươi một triệu bảy trăm ba mươi nghìn đồng).

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.887.900 đồng (Mười chín triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn chín trăm đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005683 ngày 18 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Dân